HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HT, TĐC NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁT, BỘT THẠCH ANH NHÂN TẠO, XỬ LÝ NƯỚC THẢI, BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/TB-HĐBT	*Nhị Chiểu, ngày 24 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh Thông báo công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ hai từ Dự án Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải và bến thủy nội địa);

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND phường Nhị Chiểu về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng tại Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 12/TB-HĐBT ngày 13/11/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường về việc công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng;

Để bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường điều chỉnh Thông báo số 12/TB-HĐBT ngày 13/11/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HT, TĐC NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁT, BỘT THẠCH ANH NHÂN TẠO, XỬ LÝ NƯỚC THẢI, BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/TB-HĐBT	*Nhị Chiểu, ngày 24 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh Thông báo công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ hai từ Dự án Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải và bến thủy nội địa);

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND phường Nhị Chiểu về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng tại Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 12/TB-HĐBT ngày 13/11/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường về việc công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng;

Để bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường điều chỉnh Thông báo số 12/TB-HĐBT ngày 13/11/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phường

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỢT 3

Khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng

Số TT	Họ và tên	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Tiền bồi thường, hỗ trợ (VNĐ)							
					Về đất	Công trình trên đất	Cây trồng	Vật nuôi	Công đào ao, đắp bờ	Chi phí đầu tư vào đất (theo bản đồ địa chính 2006)		Tông cộng
										Đất LUC (hỗ trợ 110.000đ/m2)	Đất LNQ (hỗ trợ 140.000đ/m2)	
Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ:				**10.853,0**	**0**	**2.750.461.519**	**1.012.435.450**	**104.469.300**	**354.257.100**	**128.799.000**	**1.210.763.400**	**5.561.185.000**
1	Nguyễn Văn Bẩy	27	189	158,0		17.147.255,0	15.204.100	12.682.500	1.080.000		20.440.000	66.554.000
2	Vũ Văn Ba	27	191	478,0		33.203.988,0	94.088.000	13.116.600	28.066.500		23.261.000	191.736.000
3	Nguyễn Thị phương Lan	27	223	873,0		0,0	116.785.000				122.220.000	239.005.000
4	Bùi Văn Quý	27	224	1.123,0		144.799.529,2	45.832.000	8.893.800	26.681.400		115.715.600	341.922.000
5	Nguyễn Văn Phúc	27	225	1.147,0		83.902.293,8	49.036.500	10.800.000	32.400.000		110.180.000	286.319.000
6	Nguyễn Văn Hoàng	27	226	1.708,0		478.734.869,2	23.910.000	14.414.400	43.243.200		171.852.800	732.155.000
7	Vũ Thị Hồng Châm	27	250	1.624,0		453.568.997,6	217.391.000	10.692.000	121.176.000		227.360.000	1.030.188.000
8	Nguyễn Văn Thuyên	27	251	0,0		266.136.298,1	157.700.000	12.540.000	37.620.000		159.320.000	633.316.000
9	Trần Văn Hiến	27	288	1.091,0		541.323.296,5	86.112.600	12.750.000	38.250.000		93.240.000	771.676.000
10	Nguyễn Thị Thúy	27	289	552,0		53.982.325,9	14.349.550			60.720.000		129.052.000
11	Nguyễn Văn Năm	27	292	1.335,0		562.331.007,6	64.622.200	8.580.000	25.740.000	68.079.000	60.214.000	789.566.000
12	Trương Văn Hiên	27	295	764,0		115.331.657,8	127.404.500				106.960.000	349.696.000

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỢT 3

Khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng

Số TT	Họ và tên	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Tiền bồi thường, hỗ trợ (VNĐ)							
					Về đất	Công trình trên đất	Cây trồng	Vật nuôi	Công đào ao, đắp bờ	Chi phí đầu tư vào đất (theo bản đồ địa chính 2006)		Tổng cộng
										Đất LUC (hỗ trợ 110.000đ/m2)	Đất LNQ (hỗ trợ 140.000đ/m2)	
Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ:				**10.853,0**	**0**	**2.750.461.519**	**1.012.435.450**	**104.469.300**	**354.257.100**	**128.799.000**	**1.210.763.400**	**5.561.185.000**
1	Nguyễn Văn Bẩy	27	189	158,0		17.147.255,0	15.204.100	12.682.500	1.080.000		20.440.000	66.554.000
2	Vũ Văn Ba	27	191	478,0		33.203.988,0	94.088.000	13.116.600	28.066.500		23.261.000	191.736.000
3	Nguyễn Thị phương Lan	27	223	873,0		0,0	116.785.000				122.220.000	239.005.000
4	Bùi Văn Quý	27	224	1.123,0		144.799.529,2	45.832.000	8.893.800	26.681.400		115.715.600	341.922.000
5	Nguyễn Văn Phúc	27	225	1.147,0		83.902.293,8	49.036.500	10.800.000	32.400.000		110.180.000	286.319.000
6	Nguyễn Văn Hoàng	27	226	1.708,0		478.734.869,2	23.910.000	14.414.400	43.243.200		171.852.800	732.155.000
7	Vũ Thị Hồng Châm	27	250	1.624,0		453.568.997,6	217.391.000	10.692.000	121.176.000		227.360.000	1.030.188.000
8	Nguyễn Văn Thuyên	27	251	0,0		266.136.298,1	157.700.000	12.540.000	37.620.000		159.320.000	633.316.000
9	Trần Văn Hiến	27	288	1.091,0		541.323.296,5	86.112.600	12.750.000	38.250.000		93.240.000	771.676.000
10	Nguyễn Thị Thúy	27	289	552,0		53.982.325,9	14.349.550			60.720.000		129.052.000
11	Nguyễn Văn Năm	27	292	1.335,0		562.331.007,6	64.622.200	8.580.000	25.740.000	68.079.000	60.214.000	789.566.000
12	Trương Văn Hiên	27	295	764,0		115.331.657,8	127.404.500				106.960.000	349.696.000

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỢT 3

Khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất cát, bột thạch anh nhân tạo, xử lý nước thải, bến thủy nội địa và cho thuê nhà xưởng

Số TT	Họ và tên	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Tiền bồi thường, hỗ trợ (VNĐ)							
					Về đất	Công trình trên đất	Cây trồng	Vật nuôi	Công đào ao, đắp bờ	Chi phí đầu tư vào đất (theo bản đồ địa chính 2006)		Tổng cộng
										Đất LUC (hỗ trợ 110.000đ/m2)	Đất LNQ (hỗ trợ 140.000đ/m2)	
Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ:				**10.853,0**	**0**	**2.750.461.519**	**1.012.435.450**	**104.469.300**	**354.257.100**	**128.799.000**	**1.210.763.400**	**5.561.185.000**
1	Nguyễn Văn Bẩy	27	189	158,0		17.147.255,0	15.204.100	12.682.500	1.080.000		20.440.000	66.554.000
2	Vũ Văn Ba	27	191	478,0		33.203.988,0	94.088.000	13.116.600	28.066.500		23.261.000	191.736.000
3	Nguyễn Thị phương Lan	27	223	873,0		0,0	116.785.000				122.220.000	239.005.000
4	Bùi Văn Quý	27	224	1.123,0		144.799.529,2	45.832.000	8.893.800	26.681.400		115.715.600	341.922.000
5	Nguyễn Văn Phúc	27	225	1.147,0		83.902.293,8	49.036.500	10.800.000	32.400.000		110.180.000	286.319.000
6	Nguyễn Văn Hoàng	27	226	1.708,0		478.734.869,2	23.910.000	14.414.400	43.243.200		171.852.800	732.155.000
7	Vũ Thị Hồng Châm	27	250	1.624,0		453.568.997,6	217.391.000	10.692.000	121.176.000		227.360.000	1.030.188.000
8	Nguyễn Văn Thuyên	27	251	0,0		266.136.298,1	157.700.000	12.540.000	37.620.000		159.320.000	633.316.000
9	Trần Văn Hiến	27	288	1.091,0		541.323.296,5	86.112.600	12.750.000	38.250.000		93.240.000	771.676.000
10	Nguyễn Thị Thúy	27	289	552,0		53.982.325,9	14.349.550			60.720.000		129.052.000
11	Nguyễn Văn Năm	27	292	1.335,0		562.331.007,6	64.622.200	8.580.000	25.740.000	68.079.000	60.214.000	789.566.000
12	Trương Văn Hiên	27	295	764,0		115.331.657,8	127.404.500				106.960.000	349.696.000